

Số: 32/2021/QĐ-UBND

Vĩnh Long, ngày 14 tháng 12 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Danh mục các lĩnh vực đầu tư, cho vay  
của Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021 - 2025**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương, ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương, ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 147/2020/NĐ-CP, ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Quỹ đầu tư phát triển địa phương;*

*Thực hiện Nghị quyết số 30/NQ-HĐND, ngày 09 tháng 9 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Vĩnh Long về việc thông qua Danh mục các lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021 – 2025;*

*Theo đề nghị của Hội đồng quản lý Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Vĩnh Long.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành Danh mục các lĩnh vực đầu tư, cho vay của Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Vĩnh Long giai đoạn 2021 - 2025.

*(Danh mục cụ thể kèm theo).*

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 24 tháng 12 năm 2021.

**Điều 3.** Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư; Hội đồng quản lý, Giám đốc Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Vĩnh Long; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVB-Bộ Tư pháp;
- Sở Tư pháp;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Các phòng NC; BTCD-NC;
- Lưu: VT.6.20.05.

**TM.ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

# DANH MỤC CÁC LĨNH VỰC ĐẦU TƯ, CHO VAY CỦA QUỸ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TỈNH VĨNH LONG GIAI ĐOẠN 2021– 2025

(Kèm theo Quyết định số ..... /2021/QĐ-UBND ngày ..... tháng ..... năm 2021  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long)

STT	Danh mục các lĩnh vực đầu tư, cho vay
<b>I</b>	<b>Giao thông, năng lượng, môi trường</b>
1	Đầu tư các dự án về giao thông
2	Đầu tư hệ thống cấp nước sạch, thoát nước, xử lý nước thải, rác thải, khí thải
3	Đầu tư, phát triển hệ thống phương tiện vận tải công cộng, vận chuyển rác
4	Đầu tư phát triển hệ thống điện
<b>II</b>	<b>Công nghiệp</b>
1	Đầu tư khu công nghiệp, cụm công nghiệp, tuyến công nghiệp
<b>III</b>	<b>Nông nghiệp và phát triển nông thôn</b>
1	Đầu tư, đầu tư cải tạo nâng cấp các dự án phục vụ sản xuất, chế biến, phát triển nông thôn, nông nghiệp, thủy sản
2	Đầu tư các dự án bảo quản nông sản sau thu hoạch
<b>IV</b>	<b>Xã hội hóa</b>
1	Đầu tư, phát triển nhà ở xã hội (nhà ở cho người có thu nhập thấp, nhà ở cho công nhân, ký túc xá sinh viên, ...)
2	Đầu tư, đầu tư mở rộng bệnh viện, cơ sở khám chữa bệnh, trường học, cơ sở giáo dục, siêu thị, chợ, trung tâm thương mại, chỉnh trang đô thị, khu dân cư, khu đô thị, khu tái định cư, văn hóa, thể dục thể thao, công viên, các dự án phát triển giáo dục, y tế, đầu tư phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác khám, chữa bệnh.
3	Đầu tư, đầu tư cải tạo khu du lịch, vui chơi giải trí, khu nghỉ dưỡng gắn với bảo vệ môi trường, cảnh quan thiên nhiên, di tích lịch sử tại địa phương
4	Đầu tư, di chuyển, sắp xếp, hiện đại hóa các khu nghĩa trang
<b>V</b>	<b>Lĩnh vực đầu tư kinh tế - xã hội khác</b>
1	Đổi mới dây chuyền công nghệ
2	Đầu tư ứng dụng công nghệ cao